TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19-8-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Chí Linh

Ông Hồ Quốc Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh T; Sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã T, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Chí H; Sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2025 cũng như tại phiên tòa bà Lê Thị Thanh T trình bày:*

Bà T và ông H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/9/2013. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong lối sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông bà không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2023 đến nay. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn với ông H.

Thời gian chung sống bà T và ông H có con chung tên Trần Ngọc Hương N, sinh ngày 13/4/2022 (giới tính nữ). Hiện nay con chung do bà T nuôi dạy nên bà T yêu cầu tiếp tuc nuôi dạy nhưng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên bà T không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Chí H. Do ông bà chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông H có địa chỉ cư trú tại ấp 8, xã T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không có văn bản ý kiến về yêu cầu của bà T và vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/9/2013. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông H. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông H vắng mặt tại phiên hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho bà Lê Thị Thanh T và ông Trần Chí H được ly hôn.

[4] Thời gian chung sống bà T và ông H có con chung tên Trần Ngọc Hương N, sinh ngày 13/4/2022 (giới tính nữ). Xét thấy hiện cháu Hương N do bà T trực

tiếp nuôi dạy nên việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dạy là phù hợp theo yêu cầu của bà T.

Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định thời gian chung sống ông bà có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên bà không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T và ông Trần Chí H được ly hôn.

2.Về con chung: Ông Trần Chí H có nghĩa vụ tiếp tục giao con chung tên Trần Ngọc Hương N, sinh ngày 13/4/2022 (giới tính nữ) cho bà Lê Thị Thanh T tiếp tục nuôi dạy. Ông Trần Chí H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng ông H có quyền thăm nom con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai có quyền cản trở.

3.Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Lê Thị Thanh T phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 06 tháng 5 năm 2025 bà T có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0022353 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trịnh Chí Linh – Hồ Quốc Văn	**Nguyễn Kiều Trang**